

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM HIỆN NAY

Th.s Vương Thanh Tú

Trường Đại học Xây dựng

PGS.TS. Tô Đức Hạnh

Đại học Kinh tế Quốc dân

Thị trường lao động (TTLĐ) là một thị trường đặc biệt, vì đối tượng mua bán chủ yếu là sức lao động, đây là nhân tố quyết định đảm bảo cho phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững. Tuy nhiên, thời gian qua phát triển TTLĐ đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế như chất lượng sức lao động còn thấp, mất cân đối giữa cung – cầu lao động trên TTLĐ, giáo dục và đào tạo chưa phù hợp và đáp ứng với yêu cầu TTLĐ, chế độ phân phối còn nhiều bất hợp lý, phân hóa xã hội tăng lên... từ đó gây cản trở đến sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chính vì vậy, bài viết này tập trung đưa ra một số giải pháp chủ yếu phát triển TTLĐ, trên cơ sở đánh giá khách quan những thành tựu, đồng thời chỉ ra những tồn tại, hạn chế của TTLĐ Việt Nam hiện nay, nhằm góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Thực trạng phát triển thị trường lao động Việt Nam hiện nay

Trước thời kỳ đổi mới (1986), mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp được duy trì, sức lao động không được coi là hàng hóa, vì vậy không phát huy được tiềm năng lao động, tình trạng thất nghiệp gia tăng, suy thoái, khủng hoảng kinh tế- xã hội toàn diện.

Sau thời kỳ đổi mới đến nay, TTLĐ ở nước ta đã hình thành và đang phát triển bước đầu đạt được những thành tựu quan trọng. Góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình giai đoạn từ năm 1997 đến năm 2001 là 6,5%, giai đoạn từ năm 2002 đến năm 2006 là

7,8% và từ năm 2007 đến năm 2011 là 6,5%, góp phần giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo (Xem bảng 1). Trong 5 năm (2006-2010) đã tạo việc làm cho hơn 8 triệu lao động; tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị giảm xuống còn dưới 4,5%; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 9,5%; Năm 2010, quy mô dân số nước ta khoảng 87 triệu người, tốc độ tăng dân số 1,04%, cơ sở giáo dục đào tạo tăng lên, cả nước có 414 trường đại học, cao đẳng (trong đó, 334 trường công lập, 80 trường ngoài công lập); 290 trường trung cấp chuyên nghiệp (trong đó, 199 trường công lập, 91 trường ngoài công lập). Nhờ đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40% tổng số lao động.

Dự báo, dân số tăng sẽ là 91,9 triệu người (năm

Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 1997-2011

Đơn vị tính: %

Năm	Tăng trưởng kinh tế	Năm	Tăng trưởng kinh tế	Năm	Tăng trưởng kinh tế
1997	8,15	2002	7,08	2007	8,48
1998	5,76	2003	7,34	2008	6,23
1999	4,77	2004	7,79	2009	5,32
2000	6,79	2005	8,43	2010	6,78
2001	6,89	2006	8,23	2011	5,89
Trung bình	6,5		7,8		6,5

Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục thống kê từ 1997-2011

Bảng 2: Dự báo nguồn lao động Việt Nam

Chi tiêu	Đơn vị tính	2010	2015	2020
Dân số cả nước	Triệu người	87,0	91,9	97,0
Số người trong độ tuổi lao động	Triệu người	51,1	53,8	54,6
Tỷ lệ/ dân số	%	60,3	58,5	56,3
Số người trong độ tuổi có khả năng làm việc	Triệu người	50,6	52,8	53,9
Tỷ lệ/ dân số	%	58,2	57,5	55,6

Nguồn: Viện chiến lược phát triển

2015) và 97 triệu người (năm 2020), tương ứng số lượng lực lượng lao động tham gia vào thị trường lao động ngày càng tăng, năm 2015 đạt 53,8 triệu lao động (chiếm 58,5% dân số) và năm 2020 đạt 54,6 triệu lao động (chiếm 56,3% dân số) (Xem bảng 2); tạo ra mức cung lao động ngày càng lớn, có khả năng làm việc ngày càng tăng... Tất cả những thành công này đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của đất nước.

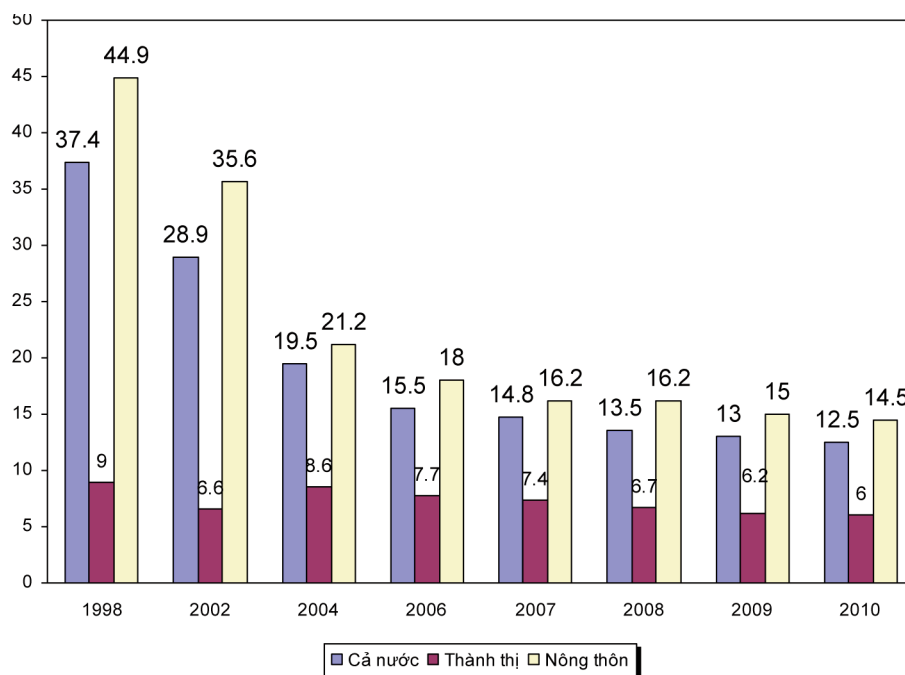
Tỷ lệ hộ nghèo ở Việt Nam nhìn chung ngày càng được giảm xuống rõ rệt. Trong 10 năm từ năm 1998 đến năm 2008 đã giảm từ 37,4% xuống còn 13,5% và 9,5% (năm 2011), (Xem biểu đồ 1). Đây là kết quả bước đầu thể hiện sự nỗ lực, cố gắng của Đảng, Nhà nước và nhân dân thông qua các chính sách phát triển kinh tế - xã hội hài hòa giữa các vùng, đô thị, nông thôn, đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo phù hợp, tạo thêm nhiều việc làm cho người

lao động, nâng cao thu nhập, từ đó chất lượng cuộc sống của người lao động nói riêng đã từng bước được cải thiện, góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Tuy nhiên, quá trình phát triển TTLĐ cũng gặp phải không ít những khó khăn, hạn chế, nhất là khi nền kinh tế Việt Nam hội nhập kinh tế thế giới ngày càng sâu rộng, đã và đang đặt ra những thách thức như: chất lượng lao động thấp và phân bố không đồng đều. Thống kê cho thấy, năm 2011 tại Việt Nam, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên chiếm 51,39 triệu người, tăng 1,97% so với năm 2010, trong đó lao động nam chiếm 51,6%; lao động nữ chiếm 48,4%. Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động là 46,48 triệu người, tăng 0,12%. Theo báo cáo điều tra lao động và việc làm năm 2009, ở nước ta lực lượng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật

Biểu đồ 1: Tỷ lệ hộ nghèo chung của cả nước qua các năm

Đơn vị tính: %



Nguồn: Niên giám thống kê, Hà Nội 2010

chiếm 17,6% (trong đó, thành thị là 32,5% và nông thôn là 11,7%), lao động có trình độ đại học trở lên chiếm 5,2% (trong đó, thành thị là 13,4% và nông thôn là 2,0%); mất cân đối cung- cầu trên TTLĐ chủ yếu do hệ thống thông tin dự báo về TTLĐ còn thiếu, quá trình đào tạo chưa gắn với nhu cầu TTLĐ trong nước và nước ngoài... theo khảo sát của Trung tâm dự báo nhu cầu nhân lực và thông tin TTLĐ TP.Hồ Chí Minh 6 tháng đầu năm 2010, cụ thể: cầu lao động sơ cấp nghề là 9.116 người, nhưng nguồn cung chỉ đáp ứng 852 người; cầu lao động công nhân kỹ thuật lành nghề là 1.979 người, nhưng nguồn cung chỉ đáp ứng 1.281 người; cầu lao động tốt nghiệp trung cấp nghề là 15.885 người, nhưng cũng chỉ đáp ứng 9.062 người. Ngược lại, lao động tốt nghiệp đại học cần 10.632 người, nhưng nguồn cung tăng đến 16.243 người. Xuất khẩu lao động còn hạn chế cả quy mô, chất lượng, tập chung chủ yếu vào các thị trường truyền thống như Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Malaysia, Lào, Campuchia, Libya, Bahrain; một số lao động qua đào tạo vẫn thất nghiệp do đào tạo nặng về lý thuyết, thiếu thực hành, kỹ năng làm việc; chưa thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn sử dụng lao động tại chỗ; cơ chế chính sách còn thiếu và vai trò quản lý của Nhà nước còn chưa chặt chẽ; chính sách tiền lương, tiền công chưa phù hợp để khuyến khích người lao động và thu hút người tài, khoảng

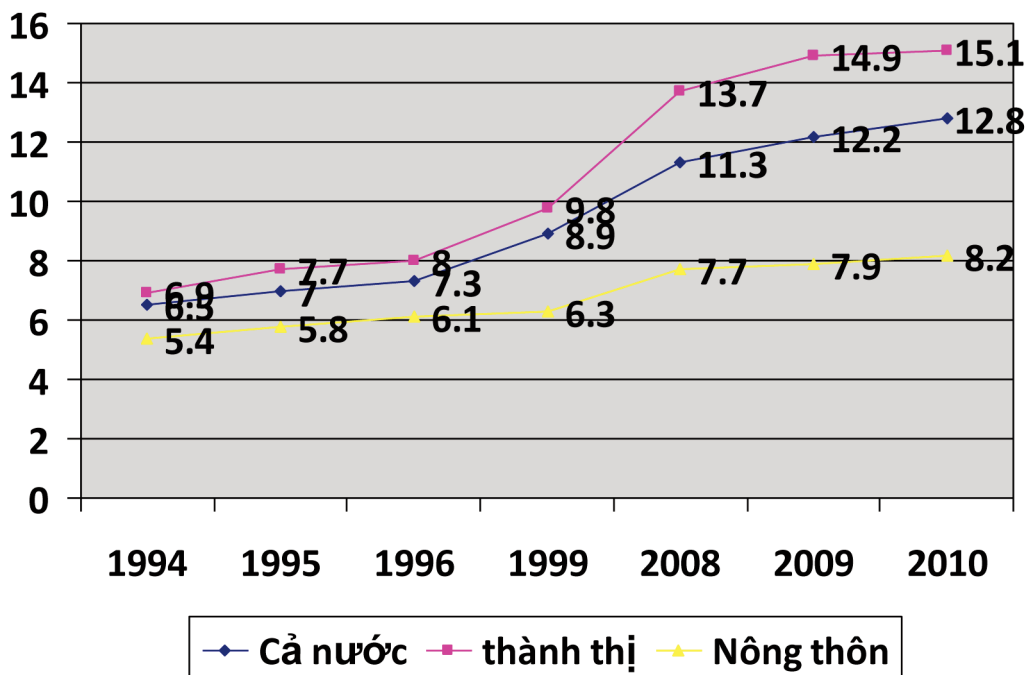
cách giàu nghèo có xu hướng tăng.

Nếu so sánh khoảng cách thu nhập giữa nhóm giàu nhất và nhóm nghèo nhất ở nước ta, có thể thấy xu hướng tăng lên rõ rệt. Cụ thể, năm 1994 mức chênh lệch thu nhập chung cả nước là 6,5 lần, trong đó, thành thị là 6,9 lần và nông thôn là 5,4 lần; nhất là năm 2008 tương ứng 11,3 -13,7 - 7,7 lần; năm 2009 là 12,2 - 14,9 - 7,9 lần; 2010 là 12,8 - 15,1 - 8,2 lần (Xem biểu đồ 2). Ngoài ra, hiện nay người lao động trong một số Tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước, chế độ phân phối cũng chênh lệch rất lớn, thậm chí gấp 60 lần (Tổng giám đốc lương cứng trên 100 triệu đồng/ tháng, trong khi những công nhân lương thấp nhất chưa đến 2 triệu đồng/tháng). Qua số liệu ta thấy, trong quá trình phát triển kinh tế- xã hội dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng; TTLĐ tự do chất lượng thấp vẫn tồn tại phổ biến ở thành thị; xu hướng di chuyển lao động tự phát từ nông thôn ra thành thị ngày càng nhiều, nhất là quá trình phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn,...

2. Một số giải pháp chủ yếu phát triển thị trường lao động Việt Nam hiện nay

Trước thực trạng trên, nhằm tiếp tục phát triển TTLĐ góp phần tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và tiến bộ, công bằng xã hội, phát triển bền vững, theo chúng tôi, cần thực hiện đồng bộ các

Biểu đồ 2: Bất bình đẳng thu nhập giữa nhóm giàu nhất và nghèo nhất ở Việt Nam giai đoạn 1994 - 2010



Nguồn: Niên giám thống kê, Hà Nội 2010

nhóm giải pháp chủ yếu sau:

2.1 Nâng cao nhận thức, hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy thị trường lao động phát triển

Hiện nay, Đảng, Nhà nước ta đã thừa nhận và khẳng định sự ra đời, tồn tại của TTLĐ là tất yếu khách quan, do đó sức lao động là hàng hóa. Tuy nhiên, thực tế chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu và nhận thức sâu sắc về chủ nghĩa Mác-Lênin, nhất là lý luận hàng hóa sức lao động, từ đó xác định rõ vị trí, vai trò quan trọng, quyết định của người lao động. Vì vậy, cần xóa bỏ phân biệt đối xử với những người lao động trong mọi thành phần kinh tế, giữa khu vực nông thôn và thành thị, giữa kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân,...

Đồng thời cần nâng cao vai trò, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với TTLĐ. Trước hết, muốn phát triển TTLĐ thì phải hoàn thiện môi trường pháp lý phù hợp với yêu cầu khách quan của thị trường. Tiếp tục bổ sung và hoàn thiện Luật lao động; Luật an toàn vệ sinh lao động; Luật dạy nghề; Luật bảo hiểm xã hội; Luật người lao động đi làm việc ở nước ngoài có hợp đồng; Luật tiền lương tối thiểu, điều chỉnh chính sách tiền lương tối thiểu để đảm bảo tái sản xuất sức lao động.

Nâng cao hơn nữa vai trò của các tổ chức đại diện lợi ích chính đáng, hợp pháp cho người lao động và người sử dụng lao động. Hoàn thiện cơ chế linh hoạt, chính sách tuyển dụng, đãi ngộ lao động, nhất là đối với khu vực hành chính sự nghiệp, cơ quan nhà nước mà người lao động được hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

2.2 Điều tiết quan hệ cung – cầu trên thị trường lao động

2.2.1 Điều tiết quan hệ cung về lao động:

- *Giảm sức ép về cung lao động.* Theo số liệu thống kê của Tổng cục thống kê, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân bố theo nhóm tuổi ngày càng tăng, năm 2000 có 38.545.000 người (chiếm 50,7% dân số), năm 2005 tăng lên là 44.904.000 người (chiếm 52,3% dân số), năm 2010 là 50.392.900 người (chiếm 51,4% dân số). Vì vậy, Nhà nước cần tiếp tục thường xuyên chỉ đạo thực hiện tốt chương trình dân số, kế hoạch hóa gia đình, đặc biệt tập trung ở vùng nông thôn, trình độ dân trí thấp, phong tục tập quán lạc hậu. Mặc dù, trong những năm gần đây, tốc độ tăng dân số nước ta liên tục giảm xuống từ 1,3% (giai đoạn 2001- 2005) còn 1,04% (giai đoạn 2006- 2010), phân đầu đến năm 2015 còn 1%, tuổi thọ trung bình đạt 74 tuổi. Muốn thực hiện

được mục tiêu trên cần tập trung hơn nữa vào việc nâng cao trình độ, năng lực quản lý và hiệu quả tuyên truyền giáo dục, chăm sóc sức khỏe của đội ngũ cán bộ làm công tác dân số. Nhất là cán bộ thôn bản vùng sâu, vùng xa; tiếp tục lồng ghép các chương trình dân số với phát triển kinh tế gia đình, xóa đói, giảm nghèo, đồng thời chú ý nâng cao thể lực cho người lao động Việt Nam.

- *Nâng cao chất lượng lao động.* Ngày nay, chất lượng lao động không chỉ được hiểu là trình độ học vấn hay trình độ chuyên môn kỹ thuật của người lao động, mà hiểu rộng ra bao gồm: sức khỏe, chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng mềm như: kỹ năng tư duy, giao tiếp, ngoại ngữ, tin học, sáng tạo, tạo say mê hứng thú làm việc, thích nghi, năng động, ý thức tự giác, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp, có tinh thần, trách nhiệm cao trong công việc, văn hóa, đạo đức nghề nghiệp. Tất cả những kỹ năng của người lao động này là rất cần thiết đối với nhu cầu đòi hỏi cấp bách của TTLĐ trong nước và nước ngoài hiện nay. Vì vậy, phát triển giáo dục và đào tạo được Đảng ta xác định là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội. Thực tế, chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo năm 2010 đạt trên 20% tổng chi ngân sách; kết quả tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40% (2010) tổng số lao động đang làm việc, mục tiêu phấn đấu đến năm 2015 đạt 55%. Thời gian tới cần tiếp tục đào tạo nguồn lao động chất lượng cao gắn với nhu cầu thị trường, chú trọng phát hiện, bồi dưỡng và có chính sách đãi ngộ đối với nhân tài cho sự phát triển kinh tế tri thức.

Đồng thời, cần quan tâm đào tạo nghề cho người lao động gắn với nhu cầu sử dụng lao động, các trường chủ động tìm hiểu, trao đổi, ký kết với các doanh nghiệp, công ty hợp đồng đào tạo và người học có điều kiện, môi trường thực hành nâng cao trình độ chuyên môn, phát huy khả năng sáng tạo và thích ứng kịp với yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của thị trường.

2.2.2 Điều tiết quan hệ cầu về lao động theo hướng tiếp tục đẩy nhanh cầu lao động trên TTLĐ. Cụ thể:

- *Đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế là tiền đề cần thiết để phát triển TTLĐ.* Đối với nước ta, mô hình tăng trưởng kinh tế đang chuyển từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, tức là tăng trưởng chủ yếu dựa vào tăng quy mô, số lượng vốn đầu tư, khai thác tài nguyên và sử dụng lao động giá rẻ chuyển sang tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào áp dụng tiến bộ

khoa học, công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển kinh tế tri thức. Do đó, khi tăng trưởng kinh tế dẫn đến tích lũy để tái đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, thu hút ngày càng nhiều lao động vào hoạt động kinh tế.

- *Tiếp tục thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.* Các thành phần kinh tế cùng tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh đều bình đẳng trước pháp luật. Do đó, cần tạo điều kiện thu hút lao động, tạo nhiều việc làm mới, giảm bớt sức ép về cung trên thị trường. Trong đó, cần ưu tiên, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ, ngành nghề thu hút nhiều lao động, nhất là thu hút lao động nông thôn.

- *Phát triển TTLĐ ở khu vực hành chính sự nghiệp,* đây là khu vực kinh tế mà người lao động làm việc chủ yếu dưới hình thức biên chế, cho nên phần nào đã gây cản trở đến thu hút lao động và năng suất lao động thấp, do tâm lý ổn định việc làm. Chính vì vậy, để phát triển TTLĐ khu vực này cần thay đổi hình thức lao động từ biên chế sang hợp đồng ngắn hạn hay dài hạn tùy theo từng ngành nghề cụ thể. Hơn nữa, cần tăng cường kiểm tra, đánh giá công việc cụ thể, khách quan nhằm nâng cao hơn nữa ý thức trách nhiệm đối với công việc được giao.

- *Phát triển kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn.* Hiện nay, lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp (chiếm 47,6%) và ở nông thôn (chiếm 75%) vẫn chiếm tỷ trọng lớn, hoạt động sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ, thời gian nông nhàn nhiều, năng suất lao động thấp, trong khi các ngành nghề phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn chưa phát triển, dẫn đến tình trạng thiếu việc làm của lao động nông nghiệp ở nông thôn. Vì vậy, Nhà nước cần tiếp tục đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn, ngành tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản, các làng nghề truyền thống, xây dựng, thương mại, du lịch sinh thái, lịch sử, văn hóa... để thu hút lao động nông thôn, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân.

- *Tiếp tục mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, đẩy mạnh xuất khẩu lao động*

Hiện nay, nhu cầu lao động trên thị trường đang tăng nhanh chóng, nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh được thành lập mới, một số ngành nghề mới cũng được hình thành trước đòi hỏi nhu cầu xã hội, đặc biệt các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào nước ta trong những năm gần đây rất cần tuyển

dụng lao động, nhưng thực tế có những doanh nghiệp không tuyển đủ số lượng lao động, kể cả lao động phổ thông. Bởi vì, đa số thanh niên tốt nghiệp trung học phổ thông đi học nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học, trên đại học; số lao động còn lại đã có việc làm tuy thu nhập chưa cao nhưng đã tương đối ổn định. Mặt khác, do đặc điểm lao động phổ thông trình độ dân trí thấp, chưa được đào tạo nghề nên không đủ tự tin để đi xa quê hương làm việc.

Tăng cường xuất khẩu lao động và chuyên gia là một trong những hoạt động kinh tế- xã hội quan trọng, lâu dài nhằm góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và trình độ chuyên môn tay nghề cho người lao động, tiếp cận với công nghệ tiên tiến, nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng tư duy, giao tiếp, học hỏi kinh nghiệm tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh hợp lý, tăng thu ngoại tệ cho đất nước và tiếp tục mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế.

2.4 Xây dựng và hoàn thiện hệ thống giao dịch trên thị trường lao động

- Hoàn thiện hệ thống thông tin TTLĐ bao gồm: trung tâm quốc gia dự báo và thông tin TTLĐ; trung tâm giới thiệu việc làm, các trường, cơ sở đào tạo dạy nghề; doanh nghiệp; phương tiện thông tin và truyền thông; Sở Lao động Thương binh và Xã hội; hội chợ lao động; sàn giao dịch việc làm,...

- Hiện nay, hệ thống thông tin là rất quan trọng, nhưng phải đảm bảo nguyên tắc chính xác, kịp thời, đầy đủ, phù hợp đối với người lao động. Vì vậy, trong thời gian tới cần tiếp tục liên kết, phối hợp chặt chẽ hơn giữa các trung tâm đào tạo, giới thiệu việc làm, các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển lao động. Có như vậy, chất lượng đào tạo sẽ được nâng cao, người học sẽ yên tâm ra trường không lo “xin việc”, các trung tâm môi giới việc làm sẽ hoạt động có hiệu quả và chuyên nghiệp hơn, các doanh nghiệp không lo tình trạng thiếu hụt lao động như hiện nay.

- Mở rộng phạm vi và nâng cao hiệu quả các hình thức giao dịch trên TTLĐ. Đặc biệt là tổ chức lại thị trường, nhằm tạo điều kiện để người mua và người bán sức lao động tiếp xúc, trao đổi trực tiếp, có như vậy mới thỏa mãn, đáp ứng kịp thời, nhanh chóng và thuận tiện về cung cầu trên TTLĐ. Để điều tiết có hiệu quả TTLĐ, vai trò quản lý của Nhà nước là rất cần thiết, nên kết hợp hài hòa giữa biện pháp hành chính và kinh tế, theo đó Nhà nước tiếp tục hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật lao động, đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên tham gia thị trường lao động, xây

dựng chính sách đào tạo lao động, chính sách việc làm, tiền lương, tiền công... đồng thời tăng cường kiểm tra, kiểm soát và quản lý các hoạt động của hệ thống các trung tâm giới thiệu việc làm theo hướng quy hoạch tổng thể, xác định rõ mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và hiệu quả hoạt động như tư vấn việc làm, giới thiệu lao động, sản giao dịch lao động, tổ chức đào tạo dạy nghề cho người lao động cũng như tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm tư vấn, giới thiệu việc làm của các trung tâm việc làm để thực sự trở thành địa chỉ đáng tin cậy của người lao động. Bên cạnh đó, cần tăng cường các biện pháp kinh tế như khuyến khích hỗ trợ vốn vay ưu đãi để thành lập và phát triển rộng rãi các trung tâm giới thiệu việc làm, nhất là ở khu vực nông thôn. Các trung tâm giới thiệu việc làm có uy tín cần khen thưởng kịp thời, từ đó phổ biến, nhân rộng mô hình trên phạm vi cả nước.

- Rà soát, quy hoạch các trung tâm giới thiệu việc làm theo hướng đảm bảo cơ sở vật chất, con người, nâng cao tính chuyên nghiệp, phát triển mạng lưới giới thiệu việc làm xuống tận thôn bản. Hiện nay, các trung tâm, doanh nghiệp đã có một số hình thức đăng tải thông tin việc làm trên phương tiện đại chúng, quảng cáo, tiếp cận trực tiếp với người lao động thông qua các hội chợ việc làm với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, các doanh nghiệp tuyển dụng lao động, nhằm mang lại lợi ích thiết thực, lâu dài cho người lao động cũng như người sử dụng lao động,... nhưng kết quả đạt được chưa cao. Hơn nữa, đối với các doanh nghiệp, công ty sử dụng, tuyển dụng lao động cần phải dự kiến nhu cầu và thông báo rộng rãi, công khai trước khi tuyển dụng.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2011, tr.97, 102, 116, 213.
2. Trần Ngọc Diễn - *Một số giải pháp phát triển thị trường lao động ở Hà Nội*, Tạp chí Lao động và xã hội (2008), số 336, tr.13-14, 17.
3. Nguyễn An Hòa - *Thị trường lao động Việt Nam những năm đầu thế kỷ 21*, Tạp chí nghiên cứu Châu Âu (2009), số 12, tr.59-70.
4. Nguyễn Hữu Dũng, Thái Phúc Thành - *Một số bài học về vai trò của nhà nước trong phát triển thị trường lao động ở Việt Nam*, Tạp chí Lao động và xã hội (2010), số 381, tr.21-22.
5. Nguyễn Tiệp - *Định hướng phát triển thị trường lao động chuyên môn kỹ thuật cao đến năm 2020*, Tạp chí Lao động và xã hội (2011), số 398, tr.21-23.
6. Nguyễn Thị Hải Vân - *Thị trường lao động Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Thông tin và dự báo xã hội (2011), số 61,62, tr.40-44.

2.5 Tiếp tục cải cách chính sách tiền lương, tiền công (giá cả sức lao động)

- Hiện nay, Nhà nước đã điều chỉnh mức lương tối thiểu cho từng loại lao động trong các ngành nghề, lĩnh vực cụ thể. Tuy nhiên, giá cả sức lao động chưa thực sự phản ánh đúng cơ chế thị trường; mức lương mà các doanh nghiệp trả cho người lao động nói chung còn thấp, thậm trí chưa đủ để tái sản xuất sức lao động. Bên cạnh đó, môi trường sống và làm việc bị ô nhiễm, rủi ro cao, nhiều doanh nghiệp vi phạm luật lao động như đóng bảo hiểm, mua bảo hộ cho người lao động... dẫn đến năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm hàng hóa kém, người lao động không yêu nghề, lao động không sáng tạo, tệ nạn tham nhũng, hối lộ đang có xu hướng tăng.

Chính vì vậy, để khắc phục được những hạn chế trên, cần tiếp tục cải cách chính sách tiền lương căn cứ vào chế độ phân phối chủ yếu là *làm theo năng lực hưởng theo lao động*, để đánh giá đúng năng lực người lao động để trả công hợp lý. Ngoài ra, cần xây dựng hệ thống an sinh xã hội và tăng cường, mở rộng chế độ trợ cấp cho hộ nghèo, gia đình chính sách, có công, thực hiện chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

Trên đây là một số giải pháp tổng thể nhằm phát triển TTLĐ ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, để thực hiện được cần phải thực hiện đồng bộ những giải pháp, đồng thời tăng cường hơn nữa vai trò của nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội trong việc đẩy mạnh phát triển và từng bước hoàn thiện TTLĐ nước ta, góp phần hoàn thiện thể chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □